|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: 135/TTr-UBND | *Sa Thầy, ngày 03 tháng 7 năm 2017* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản**

**giai đoạn 2017-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thú y năm 2015; Luật Thủy sản năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triến bền vững;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về thông qua quy hoạch tổng thể nông nghiệp nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt Quy hoạch tổng thể nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án nâng cao chất lượng đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2015, đại hội Huyện Đảng bộ Sa Thầy lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết 02-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Huyện ủy Sa Thầy về phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện;

UBND huyện xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020 trình kỳ họp thứ 4 HĐND huyện khóa X xem xét, thông qua, với các nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã có những bước phát triển đáng kể, góp phần đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho nhân dân trong và ngoài huyện. Tuy nhiên, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản vẫn còn ở quy mô nhỏ lẻ, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và còn mang nặng tập quán của người dân địa phương, đặc biệt khu vực đồng bào dân tộc thiểu số; chưa gắn với công tác đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi còn nhiều hạn chế; chưa tạo được mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để tạo thành chuỗi liên kết bền vừng; chất lượng sản phẩm chăn nuôi còn thấp, giá thành cao dẫn đến sức cạnh tranh trên thị trường kém, đầu ra cho sản phẩm gặp nhiều khó khăn, còn phụ thuộc nhiều vào thị trường.

Vì vậy, trong thời gian tới cần tập trung đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhằm khai thác tiềm năng lợi thế, gắn với công tác đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường và tạo chuỗi liên kết bền vững trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

Đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện và của tỉnh; tập trung đầu tư cho các vùng có điều kiện phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, kết hợp chăn nuôi truyền thống với chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại, gia trại; gắn với công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo ra sản phẩm hàng hóa, có sức cạnh tranh trên thị trường.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Ngày 27/4/2017, UBND huyện có Công văn số 597/UBND-TH giao phòng NN&PTNT chủ trì tham mưu xây dựng Kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020.

Thực hiện chỉ đạo trên, Phòng NN&PTNT đã dự thảo Kế hoạch, dự thảo Tờ trình, Nghị quyết và gửi các cơ quan liên quan tham gia góp ý dự thảo lần 01 tại Công văn số 12/CV-PNN&PTNT ngày 25/5/2017. Ngày 22/6/2017, UBND huyện tiếp tục có Công văn số 859/UBND-TH đề nghị các cơ quan, đơn vị, thành viên UBND huyện tham gia góp ý dự thảo các văn bản (lần 2) và gửi về Văn phòng HĐND-UBND huyện để tổng hợp, chỉnh sửa, hoàn thiện.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Văn phòng HĐND-UBND huyện đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch, Tờ trình, Nghị quyết và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gửi Phòng Tư pháp thẩm định, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 134 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 29/6/2017, Phòng Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 33/BC-PTP và Vãn phòng HĐND-UBND huyện đã tiếp thu, chỉnh lý một số nội dung theo đề nghị của Phòng Tư pháp và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tham mưu UBND huyện trình Hội đông nhân dân huyện, gồm:

* Tờ trình của UBND huyện về việc thông qua Kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Sa Thây giai đoạn 2017-2020;
* Dự thảo nghị quyết của HĐND huyện;
* Các văn bản góp ý của cơ quan, đơn vị;
* Báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục: Kế hoạch gồm 3 phần chính:

**Phần thứ nhất:** Tình hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện trong thời gian qua, gồm các phần:

I. Tình hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

II. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân.

**Phần thứ 2:** Kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2017-2020, gồm các phần:

I. Mục tiêu

II. Nội dung kế hoạch:

III. Giải pháp:

**Phần thứ 3:** Tổ chức thực hiện:

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản**

**2.1. Mục tiêu**

**2.1.1. Mục tiêu chung**

Phát triển số lượng, tập trung cải tạo chất lượng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn; nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất cho người chăn nuôi; chuyển dần từ phương thức nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô công nghiệp, bán công nghiệp, trang trại, chú trọng chăn nuôi quy mô hộ gia đình, hình thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao; khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, tạo ra sản phẩm mang tính cạnh tranh, sản xuất hàng hóa; đưa ngành chăn nuôi từng bước phát triển theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh. Đến năm 2020, ngành chăn nuôi trở thành một trong những ngành kinh tế chủ lực của huyện.

**2.1.2. Mục tiêu cụ thể**

Tổng đàn gia súc, gia cầm đến năm 2020 đạt 174.400 con (đàn gia súc 27.200 con, đàn gia cầm 147.200 con), sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 2.203 tấn; diện tích ao, hồ thủy sản 396,5 ha (diện tích nuôi ao, hồ nhỏ 76,5 ha; hồ chứa, mặt nước lớn và vừa 250 ha), sản lượng 629 tấn. Tăng dần tỷ trọng của chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp, đến năm 2020 đạt 11%, thủy sản 2%.

**2.2. Nhiệm vụ**

**2.2.1. Phát triển đàn vật nuôi**

**a. Đàn bò**

Duy trì tốc độ phát triển đàn bò của huyện bình quân 3,82%/năm, đến năm 2020 đạt 9.500 con, trong đó bò lai chiếm 50% tổng đàn, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 435 tấn.

**b. Đàn heo**

Duy trì tốc độ phát triển đàn heo bình quân là 7,01%/năm, đến năm 2020 đạt 15.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.508 tấn.

**c. Đàn trâu**

Duy trì tăng bình quân 8,9%/năm và đạt 700 con vào năm 2020, sản lượng 57 tấn.

**d. Đàn dê**

Đến năm 2020 đạt 2.000 con, sản lượng xuất chuống 18 tấn.

**e. Đàn gia cầm**

- Duy trì tăng bình quân 9,3%/năm, đến năm 2020 đạt 147.200 con, sản lượng 185 tấn.

- Hình thành 5 trang trại, gia trại chăn nuôi quy mô tập trung.

**2.2.2. Nuôi trồng thủy sản**

**a. Nuôi thủy sản ao, hồ nhỏ**

Đến năm 2020 đạt khoảng 78,5 ha, sản lượng 309 tấn.

**b. Nuôi mặt nước lớn (hồ chứa thủy lợi và thủy điện)**

- Diện tích nuôi là các hồ chứa nhỏ hoặc eo ngách của các hồ chứa lớn tại các xã Sa Bình, Sa Nghĩa, Hơ Moong, Ya Ly, Ya Xiêr.

- Phương thức nuôi: nuôi quảng canh và nuôi lồng, bè.

**c. Nuôi thủy sản đặc sản**

Xây dựng mô hình nuôi thủy đặc sản như ba ba, ếch Thái lan, cá thát lát... diện tích khoảng 01 ha, triển khai tại các xã Sa Bình, Sa Nghĩa...

**d. Khai thác, đánh bắt**

- Sản lượng khai thác mỗi năm khoảng 320 tấn.

- Xây dựng 04 làng khai thác, đánh bắt cá vùng lòng hồ thủy điện tại các xã Hơ Moong, Sa Bình, Ya Ly, Ya Xiêr.

**2.2.3. Phát triển thức ăn chăn nuôi và sản xuất giống**

- Đẩy mạnh việc trồng cỏ thâm canh, tận dụng tối đa các diện tích (vườn, bờ ao, bờ rào,...) để trồng cỏ và các loại cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi bằng các giống năng suất cao, giàu đạm.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng 01 cơ sở heo giống cấp bố mẹ và 01 cơ sở gà giống bố mẹ.

2.3. Giải pháp thực hiện

2.3.1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chủ trương, cơ chế, chính sách về phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đến các tầng lớp nhân dân.

* Tuyên truyền, phổ biến quy trình, kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, xử lý chất thải trong chăn nuôi, thực hiện mô hình chăn nuôi theo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

**2.3.2. Quy hoạch**

Rà soát, điều chỉnh, xây dựng quy hoạch chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản phù hợp với đặc điểm và lợi thế của từng vùng sinh thái nhằm khai thác tối đa tiềm năng của từng loại vật nuôi, đảm bảo phát triển bền vững, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường.

**2.3.3.** Về **kỹ thuật**

**a. Công tác giống**

Khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống, đẩy mạnh phát triển nguồn giống phong phú, có chất lượng. Hỗ trợ về kỹ thuật cho các hộ gia đình trong công tác tuyển giống và dần tiến tới tự chủ được nguồn giống.

Đối với giống bò: Cải thiện dần giống bò truyền thống địa phương, cải tiến, nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu hóa, tập trung vào việc chọn lọc đàn bò cái nền; phát triển điểm thụ tinh nhân tạo và đào tạo lực lượng Dẫn tinh viên tại các xã, thị trấn.

Đối với giống heo: Tập trung phát triển giống heo lai siêu nạc, khôi phục các giống heo truyền thống như heo đen, heo móng cái, heo làng, heo rừng địa phương.

Đối với giống gia cầm: Khuyến khích các cơ sở tư nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống gia cầm để chủ động cung cấp nguồn giống phục vụ chăn nuôi trên địa bàn.

Giống thủy sản: Khuyến khích các cơ sở sản xuất giống phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

**b. Về thức ăn và chăm sóc nuôi dưỡng**

Tận dụng tối đa diện tích đất để trồng cỏ, cây thức ăn xanh ... làm thức ăn chăn nuôi.

Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến về chuồng trại, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh thú y theo phương thức chăn nuôi trang trại gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm.

**c. Về công tác phòng, chống dịch bệnh**

Thực hiện công tác kiểm soát chất lượng con giống, thức ăn đưa vào chăn nuôi; thực hiện tốt việc vệ sinh, tiêu độc khử trùng trong suốt quá trình chăn nuôi; tiêm phòng định kỳ, tiêm phòng bổ sung cho đàn vật nuôi; theo dõi giám sát dịch bệnh đến tận chuồng, trại chăn nuôi.

Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

**2.3.4. Về tiêu thụ sản phẩm**

Tăng cường xúc tiến thương mại, tìm đầu ra ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, đơn vị trong và ngoài huyện tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

**2.3.5. Về môi trường**

Quy hoạch chăn nuôi, đưa chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp ra xa thị trấn, khu dân cư tập trung và tuân thủ quy định chăn nuôi an toàn gắn với bảo vệ môi trường.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thân thiện với môi trường vào chăn nuôi như sử dụng đệm lót sinh học, làm hầm Biogas, sử dụng thức ăn có chứa lợi khuẩn, men biozim...

**2.3.6. Về chính sách**

Triển khai thực hiện tốt các chính sách về hỗ trợ phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2016-2020: Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum, Chương trình 135, Chương trình giảm nghèo bền vũng, Dự án giảm nghèo Tây Nguyên, Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020,...

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, kêu gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nói chung và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bản huyện nói riêng.

*(Có Kế hoạch và dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đông nhân dân huyện xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 4 (khóa X) nhiệm kỳ 2016-2021 để UBND huyện triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TT Huyện ủy;- HĐND huyện;- UBND các xã, thị trấn;- Lưu: VT-LT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Nguyễn Hữu Thạnh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản**

**giai đoạn 2017-2020**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thú y năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triến bền vững;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về thông qua quy hoạch tổng thể nông nghiệp nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt Quy hoạch tổng thể nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án nâng cao chất lượng đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2015, đại hội Huyện Đảng bộ Sa Thầy lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết 02-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Huyện ủy Sa Thầy về phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện;

Căn cứ vào tình hình thực tế của huyện trên lĩnh vực chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, UBND huyện xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn giai đoạn 2017 - 2020, như sau:

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRONG THỜI GIAN QUA**

**I. Tình hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản**

**1. Chăn nuôi**

Trong thời gian qua, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phối hợp với UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tập trung phát triển chăn nuôi, đặc biệt phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các vùng có điều kiện thuận lợi về đồng cỏ, thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi gia cầm theo quy mô trang trại, gia trại; tăng cường hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh và ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi. Do đó, đàn vật nuôi trên địa bàn huyện không ngừng phát triển.

Đến cuối năm 2016, tổng đàn gia súc trên toàn huyện có 20.510, sản lượng thịt xuất chuồng 1.601 tấn. Trong đó: Đàn trâu 553 con, sản lượng thịt xuất chuồng 45 tấn; đàn Bò 8.241 con, bò lai Sind chiếm 25% tổng đàn, sản lượng thịt xuất chuồng 378 tấn; đàn Heo được phát triển theo hướng nạc với tổng đàn 11.716 con, sản lượng thịt xuất chuồng 1.178 tấn. Đàn gia cầm có 107.102 con, sản lượng thịt xuất chuồng 135 tấn.

Người chăn nuôi đã từng bước tiếp cận được công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp có kiểm soát, như công nghệ chuồng trại, thức ăn, quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng chống dịch bệnh, xử lý chất thải trong chăn nuôi.

**2. Nuôi trồng Thuỷ sản**

Với tiềm năng về mặt nước lớn của các lòng hồ thủy điện và hệ thống sông suối, ao hồ, diện tích nuôi trồng, sản lượng khai thác, đánh bắt thủy sản trong những năm qua luôn duy trì ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2016 là 320,5 ha, gồm diện tích nuôi tại các ao, hồ nhỏ 70,5 ha, sản lượng đạt 278 tấn; diện tích nuôi mặt nước lớn 250 ha, sản lượng 20 tấn; sản lượng khai thác tự nhiên 310 tấn.

**II. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân**

**1. Khó khăn, tồn tại**

Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản còn ở quy mô nhỏ lẻ, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện; còn mang nặng tập quán của người dân địa phương, đặc biệt khu vực đồng bào dân tộc thiểu số; chưa gắn với công tác đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi còn nhiều hạn chế; diện tích chăn thả và trồng cỏ phục vụ chăn nuôi có chiều hướng giảm.

Chưa tạo được mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để tạo thành chuỗi liên kết bền vững.

Chất lượng sản phẩm chăn nuôi còn thấp, giá thành cao dẫn đến sức canh tranh trên thị trường kém, đầu ra cho sản phẩm gặp nhiều khó khăn, còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố bên ngoài.

**2. Nguyên nhân**

Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm, tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Các doanh nghiệp chưa mặn mà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là đầu tư phát triển liên kết với người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Tập quán của người dân là chăn nuôi nhỏ lẻ, tự phát trong nông hộ; thiếu kiến thức về kỹ thuật, quy trình chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh; chưa cập nhật được các thông tin về thị trường, thiếu vốn, thiếu đất đai để xây dựng chuồng trại, đầu tư phát triển sản xuất.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

GIAI ĐOẠN 2017-2020

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Phát triển số lượng, tập trung cải tạo chất lượng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn; nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất cho người chăn nuôi; chuyển dần từ phương thức nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô công nghiệp, bán công nghiệp, trang trại, chú trọng chăn nuôi quy mô hộ gia đình, hình thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao; khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, tạo ra sản phẩm mang tính cạnh tranh, sản xuất hàng hóa; đưa ngành chăn nuôi từng bước phát triển theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh. Đến năm 2020, ngành chăn nuôi trở thành một trong những ngành kinh tế chủ lực của huyện.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Tổng đàn gia súc, gia cầm đến năm 2020 đạt 174.400 con (đàn gia súc 27.200 con, đàn gia cầm 147.200 con), sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 2.203 tấn; diện tích ao, hồ thủy sản 396,5 ha *(*diện tích nuôi ao, hồ nhỏ 76,5 ha; hồ chứa, mặt nước lớn và vừa 250 ha), sản lượng 629 tấn. Tăng dần tỷ trọng của chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp, đến năm 2020 đạt 11%, thủy sản 2%.

**II.****Nội dung kế hoạch**

**1. Phát triển đàn vật nuôi**

**1.1. Đàn bò**

Duy trì tốc độ phát triển đàn bò của huyện bình quân 3,82%/năm, đến năm 2020 đạt 9.500 con, trong đó bò lai chiếm 50% tổng đàn, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 435 tấn. Tập trung chủ yếu ở các xã Sa Bình, Rờ Kơi, Mô Rai, Ya Xiêr là nơi có điều kiện phát triển đồng cỏ và vùng sản xuất mía tập trung, phụ phẩm công nghiệp chế biến.

Xây dựng các vùng chăn nuôi bò thịt chất lượng cao theo hướng thâm canh. Tiếp tục cải tạo nâng cao chất lượng đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo (theo Quyết định số 512/QĐ-UBND, ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum) quy mô khoảng 1.000 bò cái nền/500 hộ dân tham gia, tại các xã Sa Bình, Hơ Moong, Ya Xiêr, Mô Rai, thị trấn Sa Thầy, Rờ Kơi. Từng bước phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại.

**1.2. Đàn heo**

Duy trì tốc độ phát triển đàn heo bình quân là 7,01%/năm, đến năm 2020 đạt 15.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.508 tấn; phát triển chăn nuôi heo hướng nạc theo hình thức chăn nuôi đầu tư thâm canh; duy trì ở quy mô nhất định, hình thức chăn nuôi heo lai, heo đặc sản phù hợp với điều kiện chăn nuôi của nông hộ và của một số vùng như: Thị Trấn, Sa Nghĩa, Sa Nhơn, Sa Sơn,...

Phương thức nuôi heo chủ yếu là nuôi theo quy mô gia đình, gia trại và từng bước chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp.

**1.3. Đàn trâu**

Duy trì tăng bình quân 8,9%/năm và đạt 700 con vào năm 2020, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 57 tấn; tập trung chủ yếu ở các xã Ya Xiêr, Mô Rai. Duy trì và phát triển ổn định đàn trâu, để đàn trâu tăng tự nhiên, bên cạnh đó lưu ý công tác bảo tồn nguồn gen.

**1.4. Đàn dê**

Phát triển mô hình chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung và quy mô hộ gia đình ở các địa phương có thế mạnh như xã Ya Xiêr, Mô Rai và những nơi có điều kiện ở các địa phương còn lại. Đến năm 2020 đạt 2.000 con, sản lượng xuất chuồng 18 tấn.

**1.5. Đàn gia cầm**

Duy trì tăng bình quân 9,3%/năm, đến năm 2020 đạt 147.200 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 185 tấn. Sản phẩm chính của chăn nuôi gia cầm là sản xuất gà thịt, gà thả vườn và cung cấp trứng gia cầm trong và ngoài huyện.

Đổi mới và phát triển chăn nuôi gia cầm theo hình thức đầu tư thâm canh, bán công nghiệp, theo hướng trang trại, gia trại và chăn thả có kiểm soát, tập trung tại các xã Ya Xiêr, Sa Sơn, Thị trấn, Rờ Kơi, Mô Rai, Ya Tăng, Ya Ly; đến năm 2020 hình thành 5 trang trại, gia trại chăn nuôi quy mô tập trung (nguồn kinh phí thực hiện theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020). Triển khai các mô hình chăn nuôi gia cầm kết hợp với ấp trứng an toàn sinh học.

**2.** **Nuôi trồng thủy sản**

**2.1. Nuôi thủy sản ao, hồ nhỏ**

Diện tích ao hồ nhỏ là loại hình nuôi thủy sản phổ biến nhất hiện nay, tổng diện tích 70,5 ha, việc mở rộng diện tích hàng năm không lớn. Tốc độ tăng diện tích dự kiến mỗi năm đào đắp mới khoảng 2 ha, đến năm 2020 đạt khoảng 78,5 ha, sản lượng 309 tấn.

Đối tượng nuôi: chép, mè, trôi, trắm, rô phi và một số đối tượng mới như cá trôi Ấn Độ, chép lai,...; thực hiện nuôi ghép đa loài theo tỷ lệ thích hợp để tận dụng tối đa tầng nước mà không có sự cạnh tranh thức ăn.

2.2. Nuôi mặt nước lớn (hồ chứa thủy lợi và thủy điện)

Diện tích nuôi là các hồ chứa nhỏ hoặc eo ngách của các hồ chứa lớn tại các xã Sa Bình, Sa Nghĩa, Hơ Moong, Ya Ly, Ya Xiêr.

Hình thức nuôi là tận dụng thức ăn tự nhiên sẵn có trong hồ, kỹ thuật đơn giản, dễ áp dụng, đầu tư thấp, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện.

Phương thức nuôi: nuôi quảng canh và nuôi lồng, bè.

2.3. Nuôi thủy sản đặc sản

Xây dựng mô hình nuôi thủy đặc sản như ca ba, ếch Thái lan, cá thát lát... để đem lại hiệu quả cao hon và thích họp với điều kiện vùng núi của huyện. Với diện tích khoảng 01 ha triển khai tại các xã Sa Bình, Sa Nghĩa...

**2.4. Khai thác, đánh bắt**

Với diện tích hồ chứa mặt nước lớn và vừa khoảng 250 ha (Hồ thủy điện Ya Ly, PleiKrông), nguồn lợi cá tự nhiên nhiều, mỗi năm sản lượng khai thác khoảng 320 tấn.

Xây dựng 04 làng khai thác, đánh bắt cá vùng lòng hồ thủy điện/200 hộ dân tham gia tại các xã Hơ Moong, Sa Bình, Ya Ly, Ya Xiêr (Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020).

**3. Phát triển thức ăn chăn nuôi và sản xuất giống**

Đẩy mạnh việc trồng cỏ thâm canh, tận dụng tối đa các diện tích (vườn, bờ ao, bờ rào,...) để trồng cỏ và các loại cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi bằng các giống năng suất cao, giàu đạm. Tận dụng triệt để nguồn phụ phẩm nông, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng 01 cơ sở heo giống cấp bố mẹ và 01 cơ sở gà giống bố mẹ trên địa bàn huyện (thực hiện theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Chính phủ về chỉnh sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020).

**III. Giải pháp**

**1. Công tác thông tin, tuyên truyền**

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chủ trương, cơ chế, chính sách về phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đến các tầng lớp nhân dân; tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và người nông dân về sự cần thiết phải tổ chức phát triển chăn nuôi với hình thức chăn nuôi truyền thống hộ gia đình, chăn nuôi trang trại và chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, áp dụng công nghệ cao; hình thành mô hình chăn nuôi liên kết với doanh nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng và đảm bảo phát triển bền vững.

Tuyên truyền, phổ biến quy trình, kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, xử lý chất thải trong chăn nuôi, thực hiện mô hình chăn nuôi theo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

**2. Quy hoạch**

Rà soát, điều chỉnh, xây dựng quy hoạch chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản phù hợp với đặc điểm và lợi thế của từng vùng sinh thái nhằm khai thác tối đa tiềm năng của từng loại vật nuôi, đảm bảo phát triển bền vững, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường.

Phát triển chăn nuôi trâu, bò tại các xã có điều kiện về đồng cỏ và phụ phẩm nông nghiệp như: Sa Bình, Ya Xiêr, Rờ Kơi, Mô Rai,...

Tập trung phát triển chăn nuôi heo hướng nạc và đặc sản (heo đen, heo móng cái truyền thống, heo rừng địa phương) theo mô hình chăn nuôi hộ gia đình, phát triển chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung ở thị trấn, Sa Nghĩa, Sa Nhơn, Sa Sơn và một số khu vực khác có điều kiện về chăn nuôi heo.

Chăn nuôi Dê: Phát triển chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung và hộ gia đình tại các địa phương có thế mạnh: Ya Xiêr, Mô Rai,...

Gia cầm: Phát triển mạnh hình thức chăn nuôi hộ gia đình, định hướng chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung ở các xã Ya Xiêr, Sa Nhơn, Sa Sơn,...

Nuôi trồng, đánh bắt thủy sản: Tập trung phát triển tại các xã có điều kiện thuận lợi về nguồn nước và diện tích mặt nước lòng hồ thủy điện: Hơ Moong, Sa Bình, Sa Nghĩa, Ya Ly, Ya Xiêr, thị trấn,...

Tiến hành quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất, chế biến và cung cấp thức ăn chăn nuôi, vùng sản xuất nguyên liệu, đồng cỏ phù hợp với cơ cấu đàn nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế.

**3. Về kỹ thuật**

**3.1. Công tác giống**

Khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống, đẩy mạnh phát triển nguồn giống phong phú, có chất lượng. Hỗ trợ về kỹ thuật cho các hộ gia đình trong công tác tuyển giống và dần tiến tới tự chủ được nguồn giống.

Đối với giống bò: Cải thiện dần giống bò truyền thống địa phương, cải tiến, nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu hóa, tập trung vào việc chọn lọc đàn bò cái nền; phát triển điểm thụ tinh nhân tạo và đào tạo lực lượng Dẫn tinh viên tại các xã, thị trấn.

Đối với giống Heo: Tập trung phát triển giống heo lai siêu nạc, khôi phục các giống heo truyền thống như heo đen, heo móng cái, heo làng, heo rừng địa phương.

Đối với giống gia cầm: Khuyến khích các cơ sở tư nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống gia cầm để chủ động cung cấp nguồn giống phục vụ chăn nuôi trên địa bàn.

Giống thủy sản: Khuyến khích các cơ sở sản xuất giống phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

**3.2. Về thức ăn và chăm sóc nuôi dưỡng**

Tận dụng tối đa diện tích đất để trồng cỏ, cây thức ăn xanh ... làm thức ăn chăn nuôi; áp dụng kỹ thuật bảo quản, chế biến nâng cao giá trị sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi.

Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến về chuồng trại, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh thú y theo phương thức chăn nuôi trang trại gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi tiên tiến, hiệu quả.

**3.3. Về công tác phòng, chống dịch bệnh**

Thực hiện công tác kiểm soát chất lượng con giống, thức ăn đưa vào chăn nuôi; thực hiện tốt việc vệ sinh, tiêu độc khử trùng trong suốt quá trình chăn nuôi; tiêm phòng định kỳ, tiêm phòng bổ sung cho đàn vật nuôi; theo dõi giám sát dịch bệnh đến tận chuồng, trại chăn nuôi nhằm phát hiện, báo cáo và xử lý kịp thời gia súc, gia cầm ốm, chết không để lây lan dịch bệnh.

Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; hoạt động kinh doanh, giết mổ; xử lý các cơ sở, điểm giết mổ không đúng quy hoạch, không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y.

**4. Về tiêu thụ sản phẩm**

Tăng cường xúc tiến thương mại, tìm đầu ra ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, đơn vị trong và ngoài huyện tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

**5. Về môi trường**

Quy hoạch chăn nuôi, đưa chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp ra xa thị trấn, khu dân cư tập trung và tuân thủ quy định chăn nuôi an toàn gắn với bảo vệ môi trường.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thân thiện với môi trường vào chăn nuôi như: sử dụng đệm lót sinh học, làm hầm Biogas, sử dụng thức ăn có chứa lợi khuẩn, men biozim ...

1. **Về chính sách**

Triển khai thực hiện tốt các chính sách về hỗ trợ phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2016-2020: Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, Quyết định số 512/QĐ-UBND, ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án nâng cao chất lượng đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020, Chương trình 135, Chương trình giảm nghèo bền vững, Dự án giảm nghèo Tây Nguyên, Đề án án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020,...

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, kêu gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nói chung và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện nói riêng.

Phần thứ 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp & PTNT

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện tốt nội dung kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện và báo cáo, tham mưu, đề xuất biện pháp giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hàng năm để đánh giá, rút kinh nghiệm.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu phân bổ kinh phí các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án cho việc triển khai thực hiện kế hoạch.

**3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng**

Nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, đề xuất giải pháp phát triển thị trường, hỗ trợ tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi và thủy sản.

Tham mưu, đề xuất xây dựng các chương trình, dự án ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến để triển khai, áp dụng trong thực tế sản xuất.

**4. Phòng Tài nguyên & Môi trường**

Tham mưu rà soát điều chỉnh, bổ sung, xây dựng quy hoạch đất đai phục vụ phát triển chăn nuôi; tham mưu hồ sơ, thủ tục giao đất, cấp đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở chế biến tập trung theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến và kinh doanh sản phẩm chăn nuôi thực hiện các quy định đảm bảo về môi trường.

**5. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện**

Triển khai kịp thời các chương trình, chính sách ưu đãi về tín dụng của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện về hồ sơ, thủ tục vay vốn để các tổ chức, cá nhân có điều kiện đầu tư phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

**6. Trung tâm Dịch vụ công ích**

Tăng cường quản lý việc giết mổ gia súc tại khu giết mổ tập trung; phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra các cơ sở, điểm kinh doanh giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm theo quy định.

**7. Trạm Chăn nuôi và Thú y**

Phối hợp Phòng Nông nghiệp & PTNT, hàng năm xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phòng chống dịch bệnh phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch.

Triển khai tiêm phòng định kỳ, theo dõi dịch bệnh, thực hiện công tác thụ tinh nhân tạo và hướng dẫn hộ chăn nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trị bệnh cho đàn vật nuôi.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật và kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định, hỗ trợ việc chọn mua con giống cho hộ chăn nuôi.

**8. Trạm Trồng trọt và** bảo **vệ thực vật**

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn giám sát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc Bảo vệ thực vật sử dụng trong việc trồng, chăm sóc cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các Đoàn thể**

Tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân đầu tư phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

**10. UBND các xã, thi trấn**

Trên cơ sở kế hoạch này và căn cứ tình hình thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

Tuyên truyền, vận động nhân dân phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; tạo điều kiện, khuyến khích phát triển HTX, Tổ hợp tác, trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn theo hướng áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và phát triền bền vững.

Thực hiện tốt công tác quản lý đàn vật nuôi, tiêm phòng dịch bệnh và kiểm tra, giám sát, xử lý những trường hợp vi phạm theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020./.